

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 14 – VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2026
Về việc yêu cầu ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Sĩ Thạo;

Ông Nguyễn Trường Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Liêng Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026 và ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2026/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2026, về việc “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 3 năm 2026 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 75/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Hồng A, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp 1, xã L, tỉnh V. Có mặt;

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp 1, xã L, tỉnh V. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/3/2026, bản tự khai, trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Võ Thị Hồng A trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn C tự nguyện xác lập mối quan hệ hôn nhân vào năm 1993, có tổ chức lễ cưới, nhưng đến ngày 17/7/2002 thì mới đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng bà được cha mẹ chồng cho ra sống riêng tại ấp 1, xã L, thị xã D, tỉnh T (nay là ấp 1, xã L, tỉnh V). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Nguyễn Văn C có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và chung sống như vợ chồng với họ nên từ đó giữa bà và ông C thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi vã với nhau,

mâu thuẫn giữa bà và ông C ngày càng nghiêm trọng nên vào tháng 06/2012 bà và ông C sống ly thân cho đến nay không đoàn tụ được. Nay bà nhận thấy giữa bà và ông Nguyễn Văn C không còn tình cảm vợ chồng nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn K, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 2000. Do các con đã trưởng thành, đầy đủ khả năng nhận biết và năng lực hành vi dân sự nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Bà A thừa nhận có giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng không nhớ số thửa, số tờ bản đồ và diện tích, đất tọa lạc tại ấp 11, xã Long Hữu, tỉnh Vĩnh Long, đây là tài sản chung của bà và ông C. Vì khi bà và ông C tiến tới hôn nhân thì vào năm 1993 cha mẹ chồng có cho vợ chồng thửa đất này đất để xây dựng nhà cửa và sinh sống. Đến khoảng 02 năm sau đó được cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn C đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà khẳng định đây là tài sản chung của vợ chồng, nhưng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Về nợ chung: Bà A trình bày không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Võ Thị Hồng A về thời gian tiến tới hôn nhân và thời gian vợ chồng sống ly thân như Bà A trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn mà Bà A trình bày ông có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và chung sống như vợ chồng là không đúng, ông C khẳng định không có mối quan hệ tình cảm với bất kỳ người phụ nữ nào. Còn nguyên nhân dẫn đến vợ chồng sống ly thân là do vợ chồng phát sinh cãi vã thì sau đó Bà A dẫn theo hai người con và lấy theo một số tài sản bỏ nhà đi từ tháng 6/2012 cho đến nay không trở về. Nay ông C thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng với bà Võ Thị Hồng A, nhưng ông không đồng ý ly hôn với bà Võ Thị Hồng A. Trường hợp nếu muốn ông đồng ý ly hôn thì bà Võ Thị Hồng A phải giao trả lại cho ông 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên quyền sử dụng mà nguồn gốc đất này là của cha mẹ ông C tặng cho riêng ông.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn K, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 2000. Do các con đã trưởng thành, đầy đủ khả năng nhận biết và năng lực hành vi dân sự nên ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Ông C trình bày tài sản chung bao gồm 02 (hai) chiếc xe gắn máy, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình và 01 căn nhà tường, công trình cấp 4, tọa lạc tại ấp 11, xã Long Hữu, tỉnh Vĩnh Long. Nhưng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung trong vụ án này. Tuy nhiên, ông C yêu cầu Bà A trả lại cho ông 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên của ông C vì đây là tài sản riêng của ông, không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung: Ông C trình bày không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng A vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C và các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn

ông Nguyễn Văn C không đồng ý ly hôn với Bà A và giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy đơn khởi kiện của bà Võ Thị Hồng A có nội dung yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn C, nơi cư trú tại ấp 11, xã Long Hữu, tỉnh Vĩnh Long. Về con chung không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung nguyên đơn trình bày không có. Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày yêu cầu phản tố nhưng không nộp đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “*Yêu cầu ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Vĩnh Long quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Hồng A đối với ông Nguyễn Văn C. Nhận thấy, Bà A và ông C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1993. Sau đó, có đăng ký kết hôn vào ngày 17/7/2002 nên hôn nhân của bà và ông C là hợp pháp làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Bà A cho rằng ông C có quan hệ tình cảm và chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác. Về phía ông C không thừa nhận mà ông C cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng phát sinh cãi vã. Nhưng hai bên không chứng minh được lời trình bày của mình là có căn cứ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông C không đồng ý ly hôn với Bà A, nhưng nguyên nhân không xuất phát từ việc ông C còn tình cảm và muốn nếu kéo hoặc đoàn tụ với Bà A. Nhận thấy, Bà A và ông C đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay không đoàn tụ và hiện tại cả hai không còn tình cảm vợ chồng. Xét thấy trên thực tế Bà A và ông C đã tự chấm dứt mối quan hệ hôn nhân, tức không còn chung sống, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau từ tháng 6 năm 2012 cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy, mối quan hệ hôn nhân của Bà A và ông C là không thể hàn gắn được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà

Võ Thị Hồng A là phù hợp với quy định Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2]. *Về con chung*: Có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn K, sinh năm 1993 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh năm 2000. Do các con đã trưởng thành, có khả năng nhận biết và năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên Bà A và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3]. *Về tài sản chung*: Bà Võ Thị Hồng A và ông Nguyễn Văn C không yêu cầu giải quyết.

[3.4]. *Về nợ chung*: Bà Võ Thị Hồng A và ông Nguyễn Văn C trình bày không có.

[4]. Riêng ông Nguyễn Văn C có yêu cầu bà Võ Thị Hồng A trả lại cho ông 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên. Nhậy thấy, đây là yêu cầu riêng của ông, không nằm trong các yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa xét xử ngày 14/4/2026 và Thông báo cho ông C nộp đơn yêu cầu, trong đó nêu rõ số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số thửa, diện tích và số tờ bản, vị trí đất tọa lạc và người đứng tên quyền sử dụng đất. Đồng thời, kèm theo đơn yêu cầu đề nghị ông Nguyễn Văn C nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của ông là có căn cứ (*những tài liệu chứng cứ, chứng minh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông yêu cầu Bà A giao trả lại là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn C, không liên quan đến bà Võ Thị Hồng A*) trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận thông báo, nhưng đến hôm nay, ngày mở lại phiên tòa xét xử vụ án ông C vẫn không nộp đơn và ông khẳng định ông không nộp đơn theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, không có căn cứ và cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C trong vụ án này mà sẽ dành cho ông một vụ kiện dân sự khác (nếu có yêu cầu).

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng A.

1. Về hôn nhân: Bà Võ Thị Hồng A được ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Bà Võ Thị Hồng A và ông Nguyễn Văn C không yêu cầu giải quyết do các người con đã trưởng thành, có khả năng nhận biết và năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Võ Thị Hồng A và ông Nguyễn Văn C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Võ Thị Hồng A và ông Nguyễn Văn C trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Dành cho ông Nguyễn Văn C 01 (một) vụ kiện dân sự khác để yêu cầu bà Võ Thị Hồng A trả lại cho ông 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên (nếu có yêu cầu).

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Võ Thị Hồng A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003937, ngày 06 tháng 3 năm 2026 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Như vậy, bà Võ Thị Hồng A đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 14 – Vĩnh Long;
- CCTHADS khu vực 14 -Vĩnh Long;
- UBND xã Long Hữu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Linh